

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST

Ngày: 05-9-2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lân và bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ - Huế) mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 40/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2019/QĐST-KDTM ngày 13/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ(tên viết tắt: Đ); địa chỉ: Tháp Đ, số 35 G, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thái L – Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 41 V, phường P, thành phố Huế (Văn bản ủy quyền ngày 12/02/2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH TH; địa chỉ: 23 F, phường T, thành phố Huế.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn G, xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ tạm trú: Lô P, đường số 8, khu đô thị mới A, phường Đ, thành phố Huế. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn G, xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ tạm trú: Lô P, đường số 8, khu đô thị mới A, phường Đ, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH TH đã ký với Ngân hàng Đ(Đ) 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức là Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/15/1944275/HĐTD ngày 10/6/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/16/1944275/HĐTD ngày 27/7/2016.

Căn cứ thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Đ(Đ) và Công ty TNHH TH tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1944275/HĐTD ngày 27/7/2016 với những nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền hạn mức cho vay ngắn hạn: 20.000.000.000đ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn). Trong đó, hạn mức cho vay ngắn hạn: 10.000.000.000đ; Hạn mức bảo lãnh: 10.000.000.000đ.

- Thời hạn cấp tín dụng:

+ Thời hạn cấp hạn mức: Đến ngày 27/7/2017.

+ Thời hạn cho vay, bảo lãnh được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và thư bảo lãnh cụ thể.

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

- Mục đích phát hành bảo lãnh: Phục vụ hoạt động kinh doanh và hoạt động thi công xây lắp đối với Công ty.

Theo nội dung các Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết, Đ đã thực hiện giải ngân cho Công ty TNHH TH vay vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh bằng nhiều hợp đồng tín dụng cụ thể với tổng số tiền: 9.359.000.000đ, quá trình trả nợ, Công ty TNHH TH đã trả được cho ngân hàng số tiền 4.035.783.509đ, trong đó tiền gốc: 3.861.131.000đ (Công ty TNHH TH trả nợ: 2.743.931.000đ, xử lý tài sản bảo đảm: 1.117.200.000đ; tiền lãi: 174.652.509 đ). Tính đến hết ngày 05/9/2019, Công ty TNHH TH còn nợ Đ số tiền: 7.535.876.521đ, trong đó nợ gốc: 5.497.869.000đ; nợ lãi 2.038.007.521đ, Cụ thể như sau:

T T	SỐ HỢP ĐỒNG	DU' NỢ ĐẾN HIỆN TẠI	THỜI ĐIỂM QUÁ HẠN LÃI	THỜI ĐIỂM QUÁ HẠN GỐC	SỐ TIỀN LÃI QUÁ HẠN	SỐ TIỀN LÃI CHẠM TRẢ
					THỜI ĐIỂM NGÀY 05/9/2019	

1	HĐTD cụ thể số 01m/15/1944275/ HĐTD ngày 25/03/2016	-	01/09/16	25/11/16	402.746.205đ	104.075.728đ
2	HĐTD cụ thể số 01n/15/1944275/ HĐTD ngày 28/03/2016	266.869.000đ	01/09/16	28/11/16	226.775.227đ	46.695.668đ
3	HĐTD cụ thể số 01p/15/1944275/ HĐTD ngày 27/04/2016	566.000.000đ	01/09/16	27/12/16	120.951.055đ	19.810.000đ
4	HĐTD cụ thể ngày 28/07/2016	2.222.000.000đ	01/09/16	28/03/17	474.829.056đ	58.111.472đ
5	HĐTD cụ thể ngày 29/07/2016	2.300.000.000đ	01/09/16	29/03/17	491.497.222đ	59.927.778đ
6	HĐTD cụ thể ngày 29/07/2016	143.000.000đ	01/09/16	29/03/17	28.862.166đ	3.725.944đ
TỔNG CỘNG		5.497.869.000đ			1.745.660.931đ	292.346.590đ

Theo quy định về số tiền hạn mức tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/16/1944275/HĐTD, số tiền hạn mức bao gồm toàn bộ dư nợ của Công ty TNHH TH tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/15/1944275/HĐTD. Nghĩa là các hợp đồng tín dụng cụ thể đã được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/15/1944275/HĐTD vẫn được điều chỉnh và áp dụng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/16/1944275/HĐTD. Do đó, mặc dù có 03 hợp đồng tín dụng cụ thể đã được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/15/1944275/HĐTD nhưng toàn bộ dư nợ của 03 hợp đồng tín dụng cụ thể này vẫn thuộc Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/16/1944275/HĐTD. Đồng thời, ngày quá hạn nợ gốc và lãi được Ngân hàng tính theo dư nợ thực tế và thời điểm phát sinh của từng hợp đồng tín dụng cụ thể, không phụ thuộc vào Hợp đồng tín dụng hạn mức đã cấp cho khách hàng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty TNHH TH và các bên thứ ba đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản chi tiết như sau:

Tài sản 01: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại Lô H26 Khu đô thị mới An Cựu, phường An Đông, thành phố Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 808224, số vào sổ GCN: CH/00782-2013 do Ủy ban nhân dân thành Phố Huế cấp ngày 09/01/2013 cho ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014.

Tài sản 02: Xe ô tô Hyundai SANTA FE biển số 75K-1242, số khung: WP8U-371645, số máy: D4EB-8553673, theo Giấy đăng ký xe ô tô số 001117 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 15/05/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014.

Tài sản 03: Máy lu bánh thép hiệu SAKAI, biển số: 75SA-0045, số khung: KD10-18827, số máy: DA120-544985, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00919/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 14/11/2014 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015.

Tài sản 04: Máy đào bánh xích hiệu HITACHI UH045-5, biển số: 75XA-0404, số khung: 01669, số máy: 6BD1-300401, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00921/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 10/12/2014 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015.

Tài sản 05: Máy đào bánh xích hiệu HITACHI UH045, biển số: 75XA-0403, số khung: 013482, số máy: 6BD1-526860, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00920/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 04/12/2014 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015.

Tài sản 06: Máy ủi bánh xích MITSUBISHI BD2F, biển số: 75XA-0409, số khung: 75X150001, số động cơ: 5378, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00928/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 27/01/2015 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 15/5/2015.

Tài sản 07: Máy ủi bánh xích MITSUBISHI D31P, biển số: 75XA-0410, số khung: 75X150002, số động cơ: 4D1052-157620, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00929/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 27/01/2015 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 15/5/2015.

Tài sản 08: Quyền đòi nợ giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành chưa thanh toán của Công ty TNHH TH theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45/2012/HĐ-TCXD ngày 18/9/2012 v/v thực hiện thi công xây dựng Gói thầu số 6: Toàn bộ phần xây lắp hệ đường, thoát nước, cây xanh đoạn Km 0+00 đến Km 3+658.49 thuộc Công trình: Chinh trang Quốc lộ 49A đoạn Chợ Mai – Thị trấn Thuận An theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 02/2015/1944275/HĐBĐ ngày 09/9/2015.

Ngày 01/5/2016, Công ty TNHH TH bắt đầu quá hạn các khoản nợ gốc và lãi đến hạn của các khoản vay tại Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo và làm việc về phương án trả nợ, nhưng Công ty TNHH TH và các bên thứ ba không thực hiện đúng theo các nội dung đã cam kết với ngân hàng. Do đó, Ngân hàng

thương mại cổ phần Dyêu cầu Toà án nhân dân thành phố Huế giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu Công ty TNHH TH phải trả cho Đ số tiền: 7.535.876.521đ, trong đó nợ gốc: 5.497.869.000đ; nợ lãi 2.038.007.521đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2019 cho đến khi trả hết nợ. Do hiện nay, Công ty TNHH TH đã giải thể nên yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH TH phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1944275/HĐTD ngày 27/7/2016 trong phạm vi vốn góp của mình.

- Trường hợp ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên, yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ.

Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phía nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

Chi phí thẩm định đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn: Công ty TNHH TH đã giải thể theo Thông báo số 7830/18 ngày 09/7/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế, thông tin các thành viên góp vốn: ông Lê Quang Tr, 5.950.000.000đ, tỷ lệ vốn góp 70%, bà Phạm Thị L 2.550.000.000đ, tỷ lệ vốn góp 30%. Do đó, Tòa án đã đưa ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 06/6/2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường An Đông, thành phố Huế, kết quả xác minh: “Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L trước đây sống và đăng ký tạm trú tại địa chỉ nhà H26, đường số 8, khu An Cựu City, phường An Đông, thành phố Huế. Hiện nay ông Tr, bà L đi đâu, làm gì thì địa phương không rõ”.

Ngày 06/6/2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, kết quả xác minh: “Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện nay ông Tr, bà L không còn sinh sống tại địa chỉ trên và chuyển đến sinh sống ở đâu thì địa phương không rõ”.

Ngày 10/7/2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Vang, kết quả xác minh: “Hiện nay Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Vang đã thanh toán hết các khoản nợ cho Công ty TNHH TH theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45/2012/HĐ-TCXD ngày 18/9/2012 v/v thực hiện thi công xây dựng Gói thầu số 6: Toàn bộ phần xây lắp hệ đường, thoát nước, cây xanh đoạn Km 0+00 đến Km 3+658.49

thuộc Công trình: Chỉnh trang Quốc lộ 49A đoạn Chợ Mai – Thị trấn Thuận An nên không còn công nợ với Công ty TNHH TH”.

Căn cứ vào quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành các thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngày 21/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã có Công văn số 131/CV-TA đề nghị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L về thời gian triệu tập đến làm việc; thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời gian mở phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 13/8/2019, ông Lê Quang Tr, bà Phạm Thị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 28/8/2019.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L đã được thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt.

[2] Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH TH phải trả cho Ngân hàng TMCP Đsố tiền: 7.535.876.521đ, trong đó nợ gốc: 5.497.869.000đ; nợ lãi 2.038.007.521đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2019 cho đến khi trả hết nợ. Do Công ty TNHH TH đã giải thể, chấm dứt hoạt động nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Lê Quang Tr, bà Phạm Thị L phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Đ theo tỷ lệ vốn góp vào Công ty của mỗi người theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

- Trường hợp ông Tr, bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Đ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

- Đối với Hợp đồng thế chấp số 02/2015/1944275/HĐBĐ ngày 09/9/2015 thì Đ có quyền xử lý tài sản thế chấp đối với số tiền 791.035.000đ mà Công ty TNHH TH đã được Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Vang thanh toán.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 13/8/2019, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn-Công ty TNHH TH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L vắng mặt lần thứ nhất nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 08h00 ngày 28/8/2019, đã thông báo hợp lệ nhưng ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L; vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp: Công ty TNHH TH và Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thừa Thiên Huế, đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1944275/HĐTD ngày 27/7/2016 và 06 hợp đồng tín dụng cụ thể; đồng thời để đảm bảo cho các khoản vay, các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015; Hợp đồng thế chấp số tài sản 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 15/5/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 15/5/2015; Hợp đồng thế chấp quyền đòi số 02/2015/1944275/HĐBĐ ngày 09/9/2015. Tất cả các hợp đồng này được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực pháp luật. Do Công ty TNHH TH vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Đ khởi kiện là có căn cứ nên cần chấp nhận. Tính đến ngày 05/9/2019, Công ty TNHH TH còn nợ Đ số tiền 7.535.876.521đ, trong đó nợ gốc: 5.497.869.000đ; nợ lãi 2.038.007.521đ nên cần buộc bị đơn phải thanh toán hết số tiền nói trên.

Về nghĩa vụ trả nợ: Theo Thông báo số 7830/18 ngày 09/7/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế thì hiện nay Công ty TNHH TH đã giải thể, chấm dứt tồn tại. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201, khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì các thành viên góp vốn của Công ty TNHH TH là ông Lê Quang Tr, giá trị phần vốn góp 5.950.000.000đ ,tỷ lệ vốn góp 70% và bà Phạm Thị L, giá trị phần vốn góp 2.550.000.000đ, tỷ lệ vốn góp 30% phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán các khoản nợ của công ty theo tỷ lệ đã góp vốn vào công ty. Theo đó ông Lê Quang Tr phải trả $7.535.876.521đ \times 70\% = 5.275.113.564đ$, bà Phạm Thị L phải trả $7.527.324.281đ \times 30\% = 2.260.762.957đ$. Ông Tr, bà L có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi vốn góp của mình vào công ty.

Ngoài ra, kể từ ngày 06/9/2019, ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trong phạm vi vốn góp theo tỷ lệ vốn góp vào công ty.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Theo cam kết của bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản thì bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm với ngân hàng. Do đó, trong trường hợp ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Đ thì tài sản thế chấp theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 15/5/2015 được xử lý để thu hồi nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 02/2015/1944275/HĐBĐ ngày 09/9/2015, hợp đồng này chỉ được ký kết giữa Đ và Công ty TNHH TH nên không phát sinh nghĩa vụ đối với Ban Đầu tư và Xây dựng huyện Phú Vang. Qua xác minh tại Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Vang (Ban đầu tư và Xây dựng huyện Phú Vang) cho rằng: Tại thời điểm xác nhận số nợ 1.017.099.000đ đối với Công ty TNHH TH là xác nhận khi chưa có sự điều chỉnh giá, sau khi nghiệm thu công trình thì có sự điều chỉnh số tiền ban đầu từ 8.008.842.000đ xuống còn 7.447.306.000đ nên số tiền nợ có giảm xuống. Hiện nay Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Vang đã thanh toán hết các khoản nợ của Hợp đồng thi công xây dựng số 45/2012/HĐ-TCXD ngày 18/9/2012 v/v thực hiện thi công xây dựng Gói thầu số 6: Toàn bộ phần xây lắp hệ đường, thoát nước, cây xanh đoạn Km 0+00 đến Km 3+658.49 thuộc Công trình: Chinh trang Quốc lộ 49A đoạn Chợ Mai – Thị trấn Thuận An cho Công ty TNHH TH số tiền 791.035.000đ gồm 02 khoản: 447.512.000đ ngày 11/5/2016, 343.523.000đ vào ngày 14/9/2017. Do đó trong trường hợp ông Tr, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Đ có quyền xử lý tài sản thế chấp đối với số tiền 791.035.000đ mà Công ty TNHH TH đã được Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Vang thanh toán, theo phần ông Tr $791.035.000đ \times 70\% = 553.724.500đ$, bà L $791.035.000đ \times 30\% = 237.310.500đ$ trong phạm vi vốn góp của ông Tr, bà L vào Công ty TNHH TH.

[5] Về án phí:

- Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L phải chịu trong phạm vi vốn góp theo tỷ lệ vốn góp vào Công ty TNHH TH, cụ thể:

+ Ông Lê Quang Tr phải chịu: $5.275.113.564đ = \{112.000.000đ + (1.275.113.564đ \times 0,1\%)\} = 113.275.000đ$ (làm tròn).

+ Bà Phạm Thị L phải chịu: $2.260.762.957đ = \{72.000.000đ + (260.762.957đ \times 2\%)\} = 77.215.000đ$ (làm tròn).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đổ tiền tạm ứng án phí đã nộp 68.371.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007956 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

[6] Về chi phí thẩm định: Bị đơn phải chịu. Ngân hàng TMCP Đã nộp 2.000.000đ nên cần buộc ông Tr, bà L phải liên đới thanh toán lại cho Đ theo phần vốn góp vào Công ty, ông Tr 1.400.000đ, bà L 600.000đ.

[7] Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hết **4.910.000đ**, nguyên đơn chịu toàn bộ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 201, khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2014; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L trong phạm vi vốn góp của mình vào công ty phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đổ tiền 7.535.876.521đ, trong đó nợ gốc: 5.497.869.000đ; nợ lãi 2.038.007.521đ. Phần ông Lê Quang Tr phải trả 5.275.113.564đ; phần bà Phạm Thị L phải trả 2.260.762.957đ.

Kể từ ngày 06/9/2019, ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trong phạm vi vốn góp theo tỷ lệ vốn góp vào công ty.

Trường hợp ông Tr, bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đcó quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là:

Tài sản 01: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại Lô H26 Khu đô thị mới An Cựu, phường An Đông, TP Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 808224, số vào sổ GCN: CH/00782-2013 do UBND Thành Phố Huế cấp ngày 09/01/2013 cho ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014.

Tài sản 02: Xe ô tô Hyundai SANTAFE biển số 75K-1242, số khung: WP8U-371645, số máy: D4EB-8553673, theo Giấy đăng ký xe ô tô số 001117 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 15/05/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/14/2329460/HĐBĐ ngày 16/7/2014.

Tài sản 03: Máy lu bánh thép hiệu SAKAI, biển số: 75SA-0045, số khung: KD10-18827, số máy: DA120-544985, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00919/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 14/11/2014 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015.

Tài sản 04: Máy đào bánh xích hiệu HITACHI UH045-5, biển số: 75XA-0404, số khung: 01669, số máy: 6BD1-300401, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00921/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 10/12/2014 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015.

Tài sản 05: Máy đào bánh xích hiệu HITACHI UH045, biển số: 75XA-0403, số khung: 013482, số máy: 6BD1-526860, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00920/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 04/12/2014 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 22/01/2015.

Tài sản 06: Máy ủi bánh xích MITSUBISHI BD2F, biển số: 75XA-0409, số khung: 75X150001, số động cơ: 5378, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00928/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 27/01/2015 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 15/5/2015.

Tài sản 07: Máy ủi bánh xích MITSUBISHI D31P, biển số: 75XA-0410, số khung: 75X150002, số động cơ: 4D1052-157620, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00929/XMCD do Sở GTVT tỉnh TT Huế cấp cho Công ty TNHH TH ngày 27/01/2015 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/15/1944275/HĐBĐ ngày 15/5/2015.

Tài sản 08: Đ có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp đối với số tiền 791.035.000đ mà Công ty TNHH TH đã được Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Vang thanh toán, theo phần ông Tr 791.035.000đ x 70% = 553.724.500đ, bà L 791.035.000đ x 30% = 237.310.500đ trong phạm vi vốn góp của ông Tr, bà L vào Công ty TNHH TH.

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đthì ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đtrong phạm vi vốn góp theo tỷ lệ vốn góp vào công ty.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lê Quang Tr và bà Phạm Thị L phải chịu trong phạm vi vốn góp theo tỷ lệ vốn góp vào Công ty. Cụ thể

+ Ông Lê Quang Tr phải chịu: 113.275.000đ.

+ Bà Phạm Thị L phải chịu: 77.215.000đ.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đổ tiền tạm ứng án phí đã nộp 68.371.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007956 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

4. Về chi phí thẩm định: Bị đơn phải chịu 2.000.000đ, buộc ông Tr, bà L phải liên đới thanh toán lại cho Đ theo phần vốn góp vào Công ty, ông Tr 1.400.000đ, bà L 600.000đ.

5. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hết **4.910.000đ**, nguyên đơn chịu toàn bộ, đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú